

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/08/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+VSP02+TD2	7:25	6+16+0	0+0+0		6+11+5	0+0+0	
2		BK14+BK3+P2	7:25	1+7+14	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 2 bk14- bk3chuyen 3 bk3-p2
3		P6+P11	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
4		BK15+BK10+BK4	9:25	9+6+5	0+0+0		8+6+7	0+0+0	
5		P9+VSP02	11:25	19+3	0+0		11+11	0+0	
6		P10+P9	11:25	17+5	0+0		9+13	0+0	
7		P6+TD3+P10	13:25	14+0+8	0+0+0		1+6+15	0+0+0	
8		BK3+PPD+RP1	13:25	8+14+0	0+0+0		2+9+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày VSP02-3 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - VSP02 - TD2	CREW: VThắng - Sơn - HIẾU	ETA: 09:50
xanh-1			

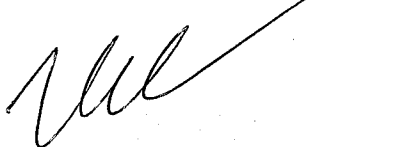
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO TIÊN THANH	TD5	98-99	2	12		80	PVDWS	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HUNG	TD5	97	1	12	70	71	PVDWS	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN NHẬT	TD5	95	1	8		65	PVDWS	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HOÀN	TD5	96	1	9		65	PVDWS	Vietnamese
5	VŨ ANH HIẾU	TD5	800,01	2	19		70	SCHLUMB	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD5	70-71	2	18		65	SCHLUMB	Vietnamese
7	ĐẶNG THÈ ANH	VSP02	62-63	2	16		68	NIPI	Vietnamese
8	LÊ VIỆT DŨNG	VSP02					60	D-HANH	Vietnamese
9	IAKOVENKO E.	VSP02					90	D-HANH	Russian
10	NGUYỄN THẮNG	VSP02	64	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYỄN TÂN KHANH	VSP02	26	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
12	ĐỖ THANH HUNG	VSP02	61	1	3		65	D-HANH	Vietnamese
13	PHAN KIM CƯỜNG	VSP02	60	1	6	20	60	D-HANH	Vietnamese
14	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN HUNG	VSP02	22	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TUÂN	VSP02	24	1	10		84	ĐẶNG KIỆ	Vietnamese
17	VŨ TIÊN NGỌC	VSP02	23	1	7		60	ĐẶNG KIỆ	Vietnamese
18	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	20	1	9		56	KH-THAC	Vietnamese
19	POPOV A.	VSP02					78	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN HẰNG HẢI	VSP02	66	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
21	GEFTMAN	VSP02	28	1	5		100	KH-THAC	Russian
22	ĐÀO XUÂN THAO	VSP02	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	9	78	416	70	6		
2	VSP02	16	14	98	1.134	20	11		
3	TD2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	176	1.550	90	22		
WEIGHT KG				176	1.550	90			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

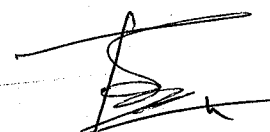
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/08/2023	TO: BK14 - BK3 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - PTUẤN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN TÂM	BK14	10	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	BK3	69	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI HAI HA	BK3	74	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG VINH	BK3	72	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRẦN VIỆT	BK3	73	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK3	67-68	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	BK3	70-71,75	3	20	30	78	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN BA TIẾN	BK3	65-66	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	DƯƠNG CHỈ TUYẾN	P2	65	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
10	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	79	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN NAM	P2	76	1	5	70	57	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN CUƠNG	P2	66-67	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN THỌ	P2	77	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	64	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI HOANG TÂM	P2	73	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	78	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	71	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH QUÂN	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÌNH VĂN THIÊN	P2	74-75	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	P2	72	1	15		92	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG VĂN SƠN	P2	68-70	3	20		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	12	68	0	0	2	CHUYEN 2 PAX BK14 -BK3 CHUYEN 3 PAX BK3 -P2
2	BK3	7	11	66	477	30	4	3	
3	P2	14	16	115	984	70	18		
TOTAL		22	28	193	1.529	100	22		
WEIGHT KG				193	1.529	100			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: P6 - P11	CREW: VThắng - N.Cường - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	P6	46	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG KHẮC CƯỜNG	P6	47	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÙNG	P6	48-49	2	14	5	58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN GIA HIẾU	P6	50	1	16		63	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN HÒA	P11	13-14	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KIM SƠN	P11	68	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P11	2000,12	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	57	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	18	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHI CÔNG	P11	17	1	7	27	92	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P11	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN CÔNG HUY	P11	66	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN HÌNH	P11	70,95	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P11	19	1	13		83	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HOÀNG SANG	P11	15	1	12		93	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO HOANG NAM	P11	20	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN CƯỜNG	P11	21	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH NGỌC	P11	16	1	11		105	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	P11	67	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM TOÀN VŨ	P11	96,98	2	15		80	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG VĂN KHOA	P11	22	1	5		56	PSV	Vietnamese
22	PHẠM PHÚ BÌNH	P11	99	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	5	57	271	5	0		
2	P11	18	22	180	1.385	27	22		
TOTAL		22	27	237	1.656	32	22		
WEIGHT KG				237	1.656	32			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/08/2023	TO: BK15 - BK10 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU TIEN THANH	BK15	61	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG XUAN THAI	BK15	58	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOANG	BK15	62	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU HAU	BK15	63	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BQ	BK15	56	1	8	22	66	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN PHUONG	BK15	64	1	2		68	PSV	Vietnamese
7	TRAN VIET LY	BK15	55	1	6		80	PSV	Vietnamese
8	HO QUANG HIEP	BK15	60	1	5		66	DK9	Vietnamese
9	PHAM DUY CHUNG	BK15	59	1	8		67	DK9	Vietnamese
10	HO CONG ANH	BK10	93-94	2	9		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN CONG HOAN	BK10	95	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUYET CHIEN	BK10	98	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGHIEM XUAN ANH	BK10	400	1	5	40	55	KH-THAC	Vietnamese
14	PHUNG CONG DU	BK10	96-97	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI CAO DINH	BK10	92	1	10	3	59	PSV	Vietnamese
16	VU DUY KHANH	BK4	21	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TONG TRUNG HUY	BK4	22	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG DAN	BK4	23	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUAN	BK4	19-20	2	15	35	68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	9	9	59	645	22	8		
2	BK10	6	8	46	388	43	6		
3	BK4	4	5	33	270	35	7		
TOTAL		19	22	138	1.303	100	21		
WEIGHT KG				138	1.303	100			

GRAND TOAL: 1.541 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	TO: P9 - VSP02	CREW: HUNG - ĐNam - Thành	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	01	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	75	1	10		57	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	76	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P9	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÂN	P9	29	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA KÝ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH HOÀI	P9	99	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	82	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ LĂNG TÚ	P9	73	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	79	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NAM GIANG	P9	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUY	P9	800	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	33	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	74	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH THÈ NHAN	P9	77-78	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	28	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
18	HƯA SAY	P9	80	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH HUY KIỆM	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT HÀ	VSP02	32	1	10		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN DẠNG PHONG	VSP02	33	1	13	38	72	BA SON	Vietnamese
22	TRẦN ANH DŨNG	VSP02	29-31	3	18		80	SHINTR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	19	18	123	1.327	0	11		
2	VSP02	3	5	41	220	38	11		
TOTAL		22	23	164	1.547	38	22		
WEIGHT KG				164	1.547	38			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2023	TO: P10 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Linh - KHOÀN - THỤ	ETA: 14:05
TRANG-3			

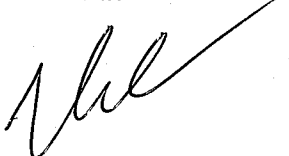
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADIKOV M.	P10	83	1	4		74	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN VAN HUAN	P10	95	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN THANG	P10	34	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HUONG	P10	98-99	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHANH TOAN	P10	95	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CUONG	P10	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC KHANH	P10	55	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VU DANG HOANG	P10	35	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG SY NGUYEN	P10	200	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
11	DO LEMH DAO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG TRUONG	P10	04	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN PHU	P10	96-97	2	10		75	YTE	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC PHI	P10	199	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VU KIEN	P10	88	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
16	LE THANH LIEM	P10	03	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH XUAN QUAN	P10	02	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC THANH	P9	33	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VO TUAN MANH	P9	31	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGOC DO	P9	32	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
21	LE NGOC ANH	P9	34	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC TUAN	P9	35	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	17	87	1.259	0	9		
2	P9	5	5	19	352	0	13		
TOTAL		22	22	106	1.611	0	22		
WEIGHT KG				106	1.611	0			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 07	TO: P6 - TD3 - P10	CREW: HUNG - ĐNam - Thành	ETA: 06:20
NAU-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA MANH DUNG	P6	64	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG MINH HAI	P6	59	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
3	VO VAN HOAI	P6	58	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI VAN MINH	P6	94	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
5	DO XUAN HIỆP	P6	62-63	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC GIAP	P6	86	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN XUAN TUC	P6	56-57	2	20		54	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TRAN VINH	P6	92	1	14		62	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN THAI	P6	88-89	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CUONG	P6	54-55	2	15		81	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM TIEN DAT	P6	52-53	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
12	LE NGUYEN HUY HOAN	P6	90	1	10	19	65	XAYLAP	Vietnamese
13	HINH NGOC GIANG	P6	65-66	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN HUU NHAN	P6	60-61	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TIEN PHUONG	P10	50	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN BAO TOAN	P10	49	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
17	VU PHUONG HUONG	P10	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CONG VAN	P10	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	DO TRUONG THINH	P10	85	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM	P10	01,33,43	3	13		98	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC ANH	P10	47	1	12		92	ANTOAN	Vietnamese
22	NGO VAN TINH	P10	45-46	2	22		62	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	14	21	207	933	34	1		
2	TD3	0	0	0	0	0	6		
3	P10	8	11	72	613	0	15		
TOTAL		22	32	279	1.546	34	22		
WEIGHT KG				279	1.546	34			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/08/2023	TO: BK3 - PPD - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Linh - XHOÀN - THỤ	ETA: 16:25
TIM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HIEN	BK3	86	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC PHI	BK3	78	1	5		67	XAYLAP	Vietnamese
3	LUU DUC THINH	BK3	87	1	7	17	70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM CONG HINH	BK3	81-82	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHUONG	BK3	79-80	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DUC ANH	BK3	84-85	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SA	BK3	07	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	NHAM DINH QUY	BK3	83	1	5		67	PSV	Vietnamese
9	DO NGOC TAN	PPD	67	1	7		78	KHI	Vietnamese
10	DAO VIET HUNG	PPD	88	1	12		60	KHI	Vietnamese
11	PHAN THANH BINH	PPD	80	1	10		68	KHI	Vietnamese
12	TRAN MINH TRUNG	PPD	85	1	10	15	65	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LOC	PPD	83	1	9		60	KHI	Vietnamese
14	CAO DUC SANG	PPD	82	1	8		58	KHI	Vietnamese
15	LE VAN TRIEU	PPD	81	1	6		74	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN TAN	PPD	69	1	5	17	80	XAYLAP	Vietnamese
17	LE NGOC CUONG	PPD	86-87	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG BA DUC	PPD	73	1	15	17	83	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG BAC THAI	PPD	72	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
20	HA TUAN DUNG	PPD	77	1	10	13	72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN KHAC QUANG	PPD				22	68	XAYLAP	Vietnamese
22	VUONG HUY HOAN	PPD	75-76	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	8	11	88	539	17	2		
2	PPD	14	15	140	975	84	9		
3	RP1	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	26	228	1.514	101	22		
WEIGHT KG				228	1.514	101			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/08/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+P7-TD2	7:25	19+3+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	NGUOI NHA TD2
2		PVD1+RC3+RCDM	7:25	8+14+0	0+0+0		1+12+9	0+0+0	
3		TD1-PVD1	9:25	20+2	0+0		19+2	0+0	
4		CLO+MRM+CLI	9:25	13+6+0	0+0+0		0+17+3	0+0+0	
5		VSP02+MRM+CTK3	11:25	12+0+10	0+0+0		0+6+14	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PVD1 - P7 - TD2	CREW: Nam - M.Đức - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÔNG HOÀNG ĐỨC	PVD1	42-43	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ QUỐC HUƠNG	PVD1	46	1	12	15	72	XAYLAP	Vietnamese
3	HOÀNG XUÂN HUY	PVD1	59-60	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ TÌNH	PVD1	44-45	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN TOÀN	PVD1	40-41	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
6	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	61-62	2	16		85	PV DRILL	British
7	TRẦN ĐĂNG PHƯỚC	PVD1	511	1	5		75	PV DRILL	Vietnamese
8	VŨ HÙNG MẠNH	PVD1	56	1	5		64	PV DRILL	Vietnamese
9	CRISTOF NAEK HALOMOAN	PVD1	49-50	2	19		94	PV DRILL	Indonesian
10	VŨ HỮU NHÂN	PVD1	55	1	10		58	PVDLOGG	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	63-64	2	15		72	PV DRILL	Vietnamese
12	PHAN HOÀI NIỆM	PVD1	48	1	7		75	PV DRILL	Vietnamese
13	HOÀNG NHẬT MINH	PVD1	54	1	10		70	PV DRILL	Vietnamese
14	LÊ NGUYỄN VŨ	PVD1	52	1	7		77	PV DRILL	Vietnamese
15	PHẠM TRỌNG ANH	PVD1	53	1	5		69	PV DRILL	Vietnamese
16	PHẠM VĂN NHANH	PVD1	58	1	5		62	PV DRILL	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC HUƠNG	PVD1	57	1	4		62	PV DRILL	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THIẾT	PVD1	47	1	7		70	PV DRILL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THEU	PVD1	38	1	5		64	PV DRILL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	26	192	1.322	15	18		
2	P7	0	0	0	0	0	3		
3	TD2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	26	192	1.322	15	22		
WEIGHT KG				192	1.322	15			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/08/2023	TO: PVD1 - RC3 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 09:25
cam-1			

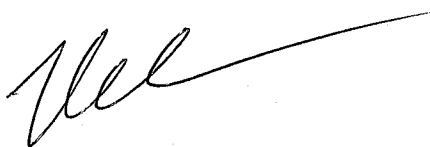
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LINH	PVD1	94	1	4		86	PV DRILLIN	Vietnamese
2	TRẦN ANH	PVD1	97	1	3		65	PV DRILLIN	Vietnamese
3	ĐÀO XUÂN AN	PVD1	99	1	9		83	PV DRILLIN	Vietnamese
4	CAO HỮU PHƯỚC	PVD1	96	1	5		55	PV DRILLIN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG DŨNG	PVD1	93	1	3		81	PV DRILLIN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NHÂN	PVD1	95	1	3		60	PV DRILLIN	Vietnamese
7	TRẦN THẾ ĐĂNG	PVD1	100	1	8		82	PV DRILLIN	Vietnamese
8	VÔ VĂN ĐỊNH	PVD1	98	1	5		72	PV DRILLIN	Vietnamese
9	PHÙNG QUỐC VIỆT	RC3	63	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN DUY ANH	RC3				23	70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM MINH TRUNG	RC3	51-52	2	19		86	XAYLAP	Vietnamese
12	HỒ SỸ TRUNG	RC3	65-66	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	RC3	46-47	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN SỸ MỸ	RC3	64	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG HUY CẬN	RC3	59-60	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN LONG	RC3	48	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	RC3	49-50	2	20	20	84	XAYLAP	Vietnamese
18	KIM VĂN TÍNH	RC3				25	62	XAYLAP	Vietnamese
19	HỒ NGUYỄN HẬU	RC3				50	64	XAYLAP	Vietnamese
20	VUÔNG THẾ HÀ	RC3	55-56	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ XUÂN CHÍNH	RC3	42-43	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN NAM	RC3	44-45	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	8	8	40	584	0	1		
2	RC3	14	19	183	978	118	12		
3	RCDM	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	27	223	1.562	118	22		
WEIGHT KG				223	1.562	118			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/08/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: TD1 - PVD1	CREW: Nam - HTrung - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO THÊ VŨ	TD1	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THÊ HUY	TD1	05	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	PVD1	28	1	5		55	PV DRILL	Vietnamese
4	TRẦN TỬ LONG	PVD1	13	1	7	10	70	PV DRILL	Vietnamese
5	ĐÀO VĂN TIỀN	PVD1	18-19	2	12		58	PV DRILL	Vietnamese
6	LÊ MINH KHANG	PVD1	27	1	5		65	PV DRILL	Vietnamese
7	THAI VĂN QUY	PVD1	05-06	2	15		67	PV DRILL	Vietnamese
8	ĐỖ THANH TIỀN	PVD1	16-17	2	12		65	PV DRILL	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN TÀI	PVD1	20-21	2	15		55	PV DRILL	Vietnamese
10	NGUYỄN GIANG TRUNG	PVD1	14-15	2	12		70	PV DRILL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRÍ	PVD1	04	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
12	BUI VĂN CHUNG	PVD1	29-30	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÀO QUỐC HÙNG	PVD1	11-12	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN BA QUY	PVD1	25-26	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG QUYNH	PVD1	02-03	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGÔ THANH NAM	PVD1	08-09	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
17	HA ĐỨC HÙNG	PVD1	07	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN CAO	PVD1	01	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐỖ CÔNG PHONG	PVD1	10	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG DUY TÀI	PVD1	24	1	16		68	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM THANH PHONG	PVD1	22-23	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	2	15	148	0	2		CHUYEN 15KG HANG TU TD1-PVD1
2	PVD1	19	30	248	1.217	10	19		
TOTAL		21	32	263	1.365	10	21		
WEIGHT KG				263	1.365	10			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/08/2023	TO: CLO - MRM - CLI	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - DTùng	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH THAI	CLO	36	1	15		105	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TUẤT	CLO	39	1	13		87	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TUẤN	CLO	45-46	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
4	DƯƠNG MINH HOANG	CLO	02	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VĂN NAM	CLO	44	1	9		57	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐO DẠNH NGỌC	CLO	37-38	2	19		81	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT TIỀN	CLO	42-43	2	14	14	77	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HAI	CLO	47	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	CLO	34-35	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN KHÁC BẢNG	CLO	40-41	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LONG	CLO	49	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TIỀN	CLO	48	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC PHÁT	CLO	50-51	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
14	BEKESHEV TROLBEK	MRM	34-35	2	15		73	AMNGR	Russian
15	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	MRM	31	1	10	116	70	SEAMAP	Vietnamese
16	ĐẠO KIM NHẬT MINH	MRM	32-33	2	7		56	SEAMAP	Vietnamese
17	SEREBROV IGOR VASILIEVICH	MRM	30	1	11		80	VTB	Russian
18	TRẦN CHÍNH CUONG	MRM	29	1	9		70	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CUONG	MRM	45	1	7		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	13	19	199	951	14	1		THAO 1 GHE DOI CHO HANG
2	MRM	6	8	59	403	116	16		
3	CLI	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	27	258	1.354	130	20		
WEIGHT KG				258	1.354	130			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/08/2023	TO: VSP02 - MRM - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO -	ETA: 14:00
TRANG-3		QTrưởng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC THAI	VSP02	55-56	2	16	40	53	BA SON	Vietnamese
2	NGUYEN VU LAM	VSP02	43-45	3	10		64	BA SON	Vietnamese
3	BUI THO BAN	VSP02	65	1	7		82	BA SON	Vietnamese
4	TRAN TRONG DUC	VSP02	47-48	2	10		57	BA SON	Vietnamese
5	TRAN VAN NAM	VSP02	52	1	7		73	BA SON	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CAM	VSP02	50-51	2	13		60	SHINTR	Vietnamese
7	NGUYEN VAN XO	VSP02	49	1	10		75	BA SON	Vietnamese
8	LE HUU DUONG	VSP02	53-54	2	12		52	BA SON	Vietnamese
9	TRAN LE DUY	VSP02	37-38	2	12		72	SHINTR	Vietnamese
10	PHAM VAN HAI	VSP02	39	1	10		65	SHINTR	Vietnamese
11	NGO PHUOC LOC	VSP02	40-42	3	15		78	SHINTR	Vietnamese
12	BUI ANH DUC	VSP02	46	1	6		65	SHINTR	Vietnamese
13	DINH MANH DUC	CTK3					70	SANBAY	Vietnamese
14	LE MINH DUC	CTK3	98-99	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI ANH TUAN	CTK3	800	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG HUY	CTK3	97	1	10	20	52	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HUY GIANG	CTK3	26	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM VAN LONG	CTK3	44	1	10	15	69	XAYLAP	Vietnamese
19	HO SY HUNG	CTK3	94	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN CANH CHUNG	CTK3	43	1	23		50	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN MANH HOANG	CTK3	39-40	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN HUNG LONG	CTK3	35-36	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	12	21	128	796	40	1		+1 NB VE TU CTK3
2	MRM	0	0	0	0	0	7		
3	CTK3	10	12	138	660	35	14		
TOTAL		22	33	266	1.456	75	22		
WEIGHT KG				266	1.456	75			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN